TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2024/HSST
Ngày 21 tháng 06 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: Ông Dương Minh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2024/TB-TA ngày 04/6/2024 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: Hứa Minh T (Tên gọi khác: Không) Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/7/1985, tại Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông Hứa Văn T1, sinh năm 1959 và bà Đàm Thị Y, sinh năm 1961. Hiện sinh sống tại: Thôn T, xã X, huyện E; bị cáo có vợ: Nông Thị T2, sinh năm 1986; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. *(Có mặt)*

2. Họ và tên: Nông Văn T3 (Tên gọi khác: Không) Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/10/1970, tại huyện H, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Nông Văn L (đã chết); Con bà: Hà Thị S, sinh năm 1940. Hiện sinh sống tại: Thôn F, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Hứa Thị H, sinh năm 1970; Hiện làm nông tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. *(Có mặt)*

3. Họ và tên: Ngân Bá H1 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/8/1981, tại tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Ngân H và bà Nông Thị H2 (đều đã chết); Bị cáo có vợ: Hoàng Thị H3, sinh năm 1980; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018. Hiện sống tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. *(Có mặt)*

4. Họ và tên: Hứa Văn T4 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/6/1994, tại: huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Hứa Văn V, sinh năm 1964 và bà: Hoàng Thị T5, sinh năm 1966; Hiện làm nông tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. *(Có mặt)*

5. Họ và tên: Lý Văn T6 (Tên gọi khác: Không) Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/01/1978, tại: H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Lý Văn N (đã chết); con bà: Đàm Thị Y1, sinh năm 1949, hiện sinh sống tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Hoàng Thị Lê L1, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2000; Hiện vợ con bị cáo sống tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

6. Họ và tên: Hứa Văn P (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 24/7/1979, tại: huyện T, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Hứa Văn N1 (đã chết); Con bà: Hoàng Thị N2, sinh năm 1944; Hiện sống tại: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị T7, sinh năm 1980; bị cáo có 04 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; Vợ, con bị cáo hiện sống tại: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

7. Họ và tên: Lương Văn B (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/10/1977, tại tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Lương Văn L2 (đã chết); Con bà: Hà Thị T8, sinh năm 1946; Hiện sống tại thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Nông Thị T9, sinh năm1981; Hiện làm nông tại: Thôn T, xã X, huyện E; bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

8. Họ và tên: Hà Văn B1 (Tên gọi khác: Không) Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/12/1997, tại: E, Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Con ông: Hà Văn P1 (đã chết); Con bà: Hứa Thị P2, sinh năm 1962; Hiện sống tại: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Hoàng Thị T10, sinh năm 1993; Hiện làm nông tại: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Tiền sự, Tiền án: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên toà)*

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:**

Ông Hứa Văn T1, sinh năm 1959 và bà Đàm Thị Y, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện E *(Có mặt)*

***** *Người làm chứng:* Ông Tạ Văn H4, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 19/02/2024, sau khi đi lễ hội ở hội trường thôn xong, Hứa Minh T, Lương Văn B, Nông Văn T3, Hà Văn B1, Hứa Văn P, Ngân Bá H1, Lý Văn T6 và Hứa Văn T4 rủ nhau về nhà ông Hứa Văn T1 (bố ruột Hứa Minh T) ở thôn T, xã X, huyện E uống rượu. Cả nhóm uống rượu một lúc thì nghỉ, sau đó mọi người rủ nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý, Hứa Minh T đi ra quán Tạp hóa mua 02 bộ bài tú lơ khơ. Sau khi mua bài về, Hứa Minh T đặt 02 bộ bài lên chiếu nhựa trải trên nền gian phòng khách mà cả nhóm đang ngồi rồi Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 ngồi xuống chiếu để tham gia đánh bạc. Cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng thắng thua bằng tiền, hình thức đánh và tiền thắng thua từng ván như sau: Mỗi ván người chơi đặt 10.000 đồng tiền nước, sau đó mỗi người được chia 03 cây bài, sau khi kiểm tra bài, người chơi có quyền úp bỏ bài hoặc tố thêm tiền và không giới hạn số tiền tố, người thắng sẽ ăn hết toàn bộ số tiền trong ván bài đó, trường hợp có từ 02

người trở lên cùng thắng thì số tiền trong ván bài sẽ chia đều cho những người thắng. Khi tham gia đánh bạc, Hứa Minh T có 1.290.000 đồng, Nông Văn T3 có 6.900.000 đồng, Lương Văn B có 500.000 đồng, Hà Văn B1 có 350.000 đồng, Hứa Văn P có 500.000 đồng, Ngân Bá H1 có 3.100.000 đồng, Lý Văn T6 có 800.000 đồng, Hứa Văn T4 có 2.700.000 đồng, tất cả sử dụng toàn bộ số tiền này đặt xuống chiếu để đánh bạc (riêng Nông Văn T3 cất tiền trong túi quần nhưng thua thì lấy tiền ra chung cho người thắng). Đến khoảng 00^{h}15'ngày 20/02/2024, khi Hứa Minh T, Lương Văn B, Nông Văn T3, Hà Văn B1, Hứa Văn P, Ngân Bá H1, Lý Văn T6 và Hứa Văn T4 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 16.140.000 đồng cùng các vật chứng liên quan đến hành vi đánh bạc, gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01 chiếu nhựa kích thước 1,78 x 2,96m.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 06 tháng 05 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1, về tội: *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 06/5/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chung cho các bị cáo

Áp dụng thêm khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1 và Hứa Văn T4.

Áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1.

Xử phạt bị cáo Hứa Minh T, từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T3 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Xử phạt bị cáo Ngân Bá H1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn T4 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T6 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024.

Xử phạt bị cáo Lương Văn B, Hứa Văn P, Hà Văn B1 từ 11 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024.

Giao các bị cáo Hứa Minh T, Lương Văn B, Nông Văn T3, Hà Văn B1, Hứa Văn P, Ngân Bá H1, Lý Văn T6 và Hứa Văn T4, cho Ủy ban nhân dân xã X nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính

quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và được miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

** Về xử lý vật chứng:* Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.140.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01chiếu nhựa kích thước 1,78m x 2,96m là vật không có giá trị sử dụng.

Các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1, không có ý kiến gì tham gia tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi các nhân, nên tối ngày 19/02/2024, tại nhà ông Hứa Văn T1, thôn T, xã X, huyện E Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài liêng, khi các bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E bắt quả tang, thu giữ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.140.000 đồng *(mười sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)* có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 đã cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, đến nếp sống văn minh của xã hội và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, các bị cáo phải biết được rằng: Hành vi đánh bạc trái phép hiện nay đang là vấn nạn xã hội, bị pháp luật cấm, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng đang nỗ lực sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền để phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội trong đó có việc đánh bạc bất hợp pháp. Mặc dù các bị cáo nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lợi bất chính. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo, nên hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm mục đích răn đe giáo dục các bị cáo đồng thời để đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

[5] Trong vụ án này có 08 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

Bị cáo Hứa Minh T là người có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng và trực tiếp tham gia đánh bạc, thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, như chuẩn bị địa điểm, mua bài phục vụ cho việc đánh bạc và sử dụng số tiền 1.290.000 đồng để đánh bạc. Cần phải xử lý bị cáo cho tương xứng với vai trò, hành vi của bị cáo

Đối với các bị cáo Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 là người thực hành, trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo này có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc khác nhau, cần xem xét khi lượng hình. Bị cáo Nông Văn T3 sử dụng số tiền để đánh bạc là 6.900.000 đồng, bị cáo Ngân Bá H1 là 3.100.000 đồng, Hứa Văn T4 là 2.700.000 đồng cần phải xử lý các bị cáo này với mức án cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án là phù hợp.

Còn lại các bị cáo Lý Văn T6 sử dụng số tiền đánh bạc là 800.000 đồng, Lương Văn B, Hứa Văn P mỗi bị cáo sử dụng số tiền 500.000 đồng, Hà Văn B1 sử dụng số tiền 350.000 đồng, cần áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn so với các bị cáo trong vụ án là có căn cứ.

[6] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân lao động phổ thông, là người đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, hoàn cảnh gia đình các bị cáo có những khó khăn. Trong quá trình điều tra, tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong số các bị cáo thì gia đình bị cáo Nông Văn T3 có công cách mạng, gia đình bị cáo Lương Văn B thuộc hộ cận nghèo, bố bị cáo

Hứa Văn P là thương binh loại A. Cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bản thân các bị cáo trong vụ án đều có nơi cư trú ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, ngoài phạm tội lần này thì các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viểm sát nhân dân huyện Ea Kar về áp dụng hình phạt và biện pháp miễn chấp hành hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4 và áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1.

Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mà chỉ cần định cho các bị cáo một mức hình phạt, để cho các bị cáo được cải tạo ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này các bị cáo đều là người lao động phổ thông, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Khi bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 16.140.000 đồng, 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01 chiếu nhựa kích thước 1,78m x 2,96m.

Đối với số tiền 16.140.000 đồng thu trên chiếu bạc, đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền này.

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng; 01chiếu nhựa kích thước 1,78m x 2,96m, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2024 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 gian nhà gỗ nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc là tài sản của ông Hứa Văn T1, khi các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc thì ông T1 không biết, không có lỗi, nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị này phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện Kiểm sát.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 phạm tội *"Đánh bạc"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1.

Xử phạt bị cáo Hứa Minh T, 10 *(Mười)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 *(Hai mươi)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T3 01 *(Một)* năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 *(Hai)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Ngân Bá H1 10 *(Mười)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 *(Hai mươi)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn T4 09 *(Chín)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 *(Mười tám)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T6, 01*(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 (02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 01 *(Một)* năm 02 *(hai)* tháng 24 *(Hai mươi bốn)* ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lương Văn B 01*(Một)* năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 (02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11*(Mười một)* tháng 24 *(Hai mươi bốn)* ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn B1, 01*(Một)* năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 (02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 *(Mười một)* tháng 24 *(Hai mươi bốn)* ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn P, 01*(Một)* năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 22/02/2024 (02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại là 11 *(Mười một)* tháng 24 *(Hai mươi bốn)* ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 được miễn khấu trừ thu nhập.

Trường hợp các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì có thể phải thực hiện một số công việc lao động cộng đồng. Thời gian Lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Trường hợp các bị cáo Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

II. Các biện pháp tư pháp

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.140.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005982 ngày 09/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01(một) chiếu kích thước 1,78m x 2,96m *(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/05/2024 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar)*.

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Hứa Minh T, Nông Văn T3, Ngân Bá H1, Hứa Văn T4, Lý Văn T6, Hứa Văn P, Lương Văn B, Hà Văn B1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *Công an huyện Ea Kar (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Ea Kar;*
- *TANDTC;*
- *Các bị cáo, các đương sự;*
- *Lưu HS, VPCQ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân